

Bản án số: 13/2021/TCDS - ST

Ngày: 18/8/2021

V/v: “Tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Nguyễn Ngọc Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-TCDS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-TCDS ngày 14/7/2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 45/2021/TBXX ngày 03/8/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 - L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh B.

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Hải Y- Giám đốc phòng giao dịch số 6, Ngân hàng N - Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2021). Địa chỉ: Đường T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H. Địa chỉ: Tổ dân phố P (tổ 40 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn - Ngân hàng N (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) do bà Lê Hải Y là người đại diện trình bày:

Ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh Thành phố Y (nay đổi tên là Chi nhánh B) theo Hợp đồng tín dụng số: 97/2018/HĐTD - 870200451 ngày 07/9/2018 số tiền là 200.000.000đồng; Thời hạn cho vay: 03 năm kể từ ngày 07/9/2018 đến ngày 07/9/2021; Phương thức cho vay: Từng lần; Kỳ hạn trả lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc theo quý của năm tài chính, vào thời gian từ ngày 25 đến ngày 30 tháng cuối quý; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả trong ba kỳ, hai kỳ đầu mỗi lần trả 5.000.000đồng; kỳ cuối trả 190.000.000đồng. Ngày trả nợ cuối cùng: 07/9/2021; Mục đích sử dụng vốn: Để sửa chữa nhà ở; Lãi suất cho vay: 10,5%/01 năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/01 năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất. Thửa đất số: 117; Tờ bản đồ số: 31-C-III-c. Địa chỉ: Tổ 40, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 101,9 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 161980; Số vào sổ cấp GCN H1312, do UBND Thành Phố Yên Bái cấp ngày 12/5/2009 cho ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 28/2015/HĐTC – 870200379 ngày 13/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 29/2016/HĐTC -.870200379 ngày 26/8/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán được khoản tiền gốc và lãi lần nào. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết.

1. Buộc ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh trên cơ sở Hợp đồng tín dụng số: 97/2018/HĐTD - 870200451 ngày 07/9/2018 tính đến ngày 18/8/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) như sau:

- + Nợ gốc: 200.000.000 đồng.
 - + Nợ lãi trong hạn: 60.756.164 đồng.
 - + Nợ lãi quá hạn: 4.585.479 đồng.
 - + Nợ lãi chậm trả: 6.309.301 đồng.
- Tổng cộng: 271.650.944 đồng.**

2. Buộc ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 97/2018/HĐTD - 870200451 ngày 07/9/2018 kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H không thanh toán, thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi của HĐTD nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 28/2015/HĐTC – 870200379 ngày 13/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 29/2016/HĐTC -.870200379 ngày 26/8/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã nhiều lần triệu tập ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H nhưng ông H, bà H đều vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, 157, 158, 227, 228 BLTTDS 2015; Các Điều 117, 280, 318, 319, 320, 321, 322, 323; các Điều 401, 429, 463, 466, 468, 470, 688 BLDS; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H phải trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là **271.650.944 đồng**. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, các chi phí tố tụng khác: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố P (tổ 40 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ cung cấp, HĐXX thấy:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: 97/2018/HĐTD - 870200451 ngày 07/9/2018 được giao kết giữa Ngân hàng và ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều

cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phát sinh hiệu lực. Sau khi ký hợp đồng, ông H, bà H đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay là 200.000.000 đồng, nhưng ông H, bà H đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán được khoản tiền nào cho Ngân hàng, do đó Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H, bà H phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, số tiền là: **271.650.944 đồng** phát sinh trên cơ sở Hợp đồng tín dụng là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 28/2015/HĐTC – 870200379 ngày 13/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 29/2016/HĐTC - 870200379 ngày 26/8/2016 ký giữa Ngân hàng và ông H, bà H được công chứng theo đúng quy định của pháp luật; tài sản thế chấp là thửa đất số: 117; Tờ bản đồ số: 31-C-III-c. Địa chỉ thửa đất: Tổ 40 (nay là Tổ dân phố P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 101,9 m²; do ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số: AP 161980 do UBND Thành Phố Y cấp ngày 12/5/2009, nên ông H, bà H ký bên thế chấp là phù hợp. Việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục thế chấp đã đảm bảo theo quy định pháp luật. Ông H, bà H tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay, bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng, nên phát sinh hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đã xác định được tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 101,9m², tại địa chỉ tổ 40 (nay là Tổ dân phố P), phường N, thành phố Y, vẫn đang do ông H và bà H quản lý, sử dụng, trên đất có 02 gian nhà gỗ đã mục nát, tường rào, bếp và công trình phụ xây bằng gạch chỉ đỏ, kết quả đo đạc thực tế phù hợp Giấy CNQSDĐ về diện tích. Do đó Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông H, bà H để thu hồi nợ là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu ông H, bà H phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 97/2018/HĐTD - 870200451 ngày 07/9/2018 kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, HĐXX thấy: Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải

phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 97/2018/HĐTD - 870200451 ngày 07/9/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên yêu cầu này là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.582.547 đồng và khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.762.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp 3.762.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó buộc ông H, bà H có nghĩa vụ thanh toán, trả cho Ngân hàng số tiền là 3.762.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 117, 280, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 401, 429, 463; 466; 688 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 167, 168, 188 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (Ngân hàng).

1.1 Buộc ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 18/8/2021, tổng số tiền là: 271.650.944 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu sáu trăm năm mươi ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền

còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, thửa đất số: 117; Tờ bản đồ số: 31-C-III-c; Diện tích: 101,9 m². Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT); Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Địa chỉ thửa đất: Tổ 40 (nay là Tổ dân phố P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 161980, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 1312 do UBND Thành Phố Y cấp ngày 12/5/2009; do ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H đứng tên theo Hợp đồng thế chấp số: 28/2015/HĐTC – 870200379 ngày 13/8/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 29/2016/HĐTC -.870200379 ngày 26/8/2016.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.477.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0008999 ngày 07/4/ 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

Ông Vi Quang H và bà Cao Thị Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.582.547 đồng và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 3.762.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án ông H, bà H chưa thanh toán khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nói trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự (03);
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thế Hòa

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾

ngày..... tháng..... năm..... về trình chấp.....⁽¹²⁾

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾.....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾

2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²⁰⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²¹⁾

4. Người làm chứng⁽²²⁾

5. Người giám định:⁽²³⁾

6. Người phiên dịch:⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN: ⁽²⁵⁾

.....
.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽²⁶⁾

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾

(28).

.....⁽²⁾

9)
